

SỞ TƯ PHÁP THANH HOÁ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ
TÀI SẢN

Số: 176 /TB-TTĐVĐG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NIÊM YẾT VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Quyền sử dụng đất gồm 35 lô đất tại mặt bằng quy hoạch khu dân cư Thác Đồng Quan, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa. (MBQH theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/1/2025 của UBND huyện Như Xuân)

Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa. Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Hoá Quý.
Địa chỉ: Thôn Đồng Xuân, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa.

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 35 lô đất tại mặt bằng quy hoạch khu dân cư Thác Đồng Quan, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa. (MBQH theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/1/2025 của UBND huyện Như Xuân).

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá (35 lô): 11.250.8 m²
- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

* Nơi có tài sản đấu giá: khu dân cư Thác Đồng Quan, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa.

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND xã Hoá Quý về việc đấu giá quyền sử dụng đất 35 lô đất tại mặt bằng quy hoạch khu dân cư Thác Đồng Quan, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa. (MBQH theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/1/2025 của UBND huyện Như Xuân).

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày 05/05/2026 đến ngày 07/05/2026.

- Địa điểm xem tài sản đấu giá: Nơi có tài sản đấu giá.

3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính tại:

- Ủy ban nhân dân xã Hoá Quý: từ ngày 05/05/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/05/2026.

- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa: từ ngày 05/05/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 26/05/2026.

4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

- Giá khởi điểm: Từ 202.500.000 đồng/lô đến 363.800.000 đồng/lô.
- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 100.000 đồng/1 hồ sơ. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá được thu khi khách hàng nhận hồ sơ tham gia đấu giá và không trả lại cho khách hàng.

- Tiền đặt trước: Từ 101.250.000 đồng /1 hồ sơ đến 181.900.000 đồng /1 hồ sơ.

(Chi tiết Giá khởi điểm, tiền đặt trước có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 05/05/2026 đến 18 giờ 00 phút ngày 26/05/2026.

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: **68689** mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa (Vietbank).



Người tham gia đấu giá ghi rõ phần nội dung chuyển tiền: ("**Họ tên và Số CCCD của người đăng ký tham gia đấu giá**") **nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền sử dụng đất MBQH xã Hoá Quý**).

5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: theo như mục 3 của Thông báo này (*Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá*).

* Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân kèm theo;

- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

6. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

Bắt đầu 08 giờ 30 phút ngày 29/5/2026. Tại Hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã Hóa Quý. (thôn Đồng Tâm xã Hóa Quý).

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

8. Bước giá, phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ.

- *Bước giá: 1%*, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- *Phiếu trả giá hợp lệ:*

+ Trong phiếu trả giá, người tham gia đấu giá ghi cả số tiền bằng số và số tiền bằng chữ; trường hợp số tiền bằng số và số tiền bằng chữ không thống nhất thì căn cứ số tiền bằng chữ để xác định giá trả; trường hợp số tiền bằng số không rõ ràng, không có nghĩa thì căn cứ số tiền bằng chữ và ngược lại.

+ Phiếu trả giá không thuộc trường hợp phiếu trả giá không hợp lệ.

- *Phiếu trả giá không hợp lệ:*

+ Phiếu trả giá không theo mẫu của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành và không đóng dấu treo.

+ Không trả giá, trả giá thấp hơn giá khởi điểm ở vòng 1 hoặc thấp hơn giá khởi điểm của các vòng đấu tiếp theo cộng với bước giá.

+ Không ghi số lô hoặc không ghi rõ số lô đất.

+ Phiếu không còn nguyên vẹn, nhàu nát.

+ Sửa chữa, tẩy xóa tại các nội dung về phần họ tên người tham gia đấu giá, lô đất đăng ký tham gia và số tiền trả giá bằng số, bằng chữ;

+ Không ký và không ghi rõ họ tên của người tham gia đấu giá (vào phần "*ký, ghi rõ họ tên*").

+ Số tiền ghi bằng số và bằng chữ không rõ ràng, không có nghĩa hoặc không ghi số tiền bằng số hoặc không ghi số tiền bằng chữ.

+ Phiếu nộp sau khi kết thúc thời gian thu phiếu trả giá.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá. ĐT: 0237 3859453./.

Nơi nhận:

- UBND xã Hoá Quý; Hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã Hóa Quý; Trung tâm DVĐG tài sản TH, (*đề Niêm yết ngày 05/5/2026*);
- Lưu: VT, HS.



PHỤ LỤC

Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại MBQH Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thác Đông Quan xã Hóa Quý

TT	Tên lô	Diện tích đấu giá lô đất ở (m ²)	Giá đất (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt cọc (đồng/01 bộ hồ sơ)	Phí hồ sơ
	Khu LK1					
1	LK1:01	309.4	700,000	216,580,000	108,290,000	100,000
2	LK1:02	309.4	700,000	216,580,000	108,290,000	100,000
3	LK1:03	304.9	700,000	213,430,000	106,715,000	100,000
4	LK1:04	304.9	800,000	243,920,000	121,960,000	100,000
5	LK1:05	309.4	800,000	247,520,000	123,760,000	100,000
6	LK1:06	309.4	800,000	247,520,000	123,760,000	100,000
	Khu LK2					
7	LK2:01	295.5	700,000	206,850,000	103,425,000	100,000
8	LK2:02	312.0	700,000	218,400,000	109,200,000	100,000
9	LK2:03	295.5	700,000	206,850,000	103,425,000	100,000
10	LK2:04	295.5	800,000	236,400,000	118,200,000	100,000
11	LK2:05	312.0	800,000	249,600,000	124,800,000	100,000
12	LK2:06	295.5	800,000	236,400,000	118,200,000	100,000
	Khu LK3					
13	LK3:01	342.4	600,000	205,440,000	102,720,000	100,000
14	LK3:02	337.5	600,000	202,500,000	101,250,000	100,000
15	LK3:03	337.5	600,000	202,500,000	101,250,000	100,000
16	LK3:04	337.5	600,000	202,500,000	101,250,000	100,000
17	LK3:05	337.5	700,000	236,250,000	118,125,000	100,000
18	LK3:06	337.5	700,000	236,250,000	118,125,000	100,000
19	LK3:07	337.5	700,000	236,250,000	118,125,000	100,000
20	LK3:08	342.4	700,000	239,680,000	119,840,000	100,000
	Khu LK4					
21	LK4: 01	318.2	800,000	254,560,000	127,280,000	100,000
22	LK4: 02	322.7	800,000	258,160,000	129,080,000	100,000
23	LK4: 03	318.2	1,000,000	318,200,000	159,100,000	100,000
24	LK4: 04	322.7	1,000,000	322,700,000	161,350,000	100,000
25	LK4: 05	269.9	1,000,000	269,900,000	134,950,000	100,000
26	LK4: 06	315.0	1,000,000	315,000,000	157,500,000	100,000
27	LK4: 07	315.0	1,000,000	315,000,000	157,500,000	100,000
28	LK4: 08	315.0	1,000,000	315,000,000	157,500,000	100,000
	Khu LK5					
29	LK5:01	315.0	1,000,000	315,000,000	157,500,000	100,000
30	LK5:02	309.7	1,000,000	309,700,000	154,850,000	100,000
31	LK5:03	298.2	1,000,000	298,200,000	149,100,000	100,000
32	LK5:04	358.0	700,000	250,600,000	125,300,000	100,000
33	LK5:05	389.3	700,000	272,510,000	136,255,000	100,000
34	LK5:06	363.8	1,000,000	363,800,000	181,900,000	100,000
35	LK5:07	356.9	1,000,000	356,900,000	178,450,000	100,000
	Tổng	11,250.8		9,036,650,000	4,518,325,000	